

CÔNG KHAI TÀI CHÍNH

Ngày 17 tháng 04 năm 2026

STT	Diễn giải	Đơn vị tính	Tổng Cộng		
			Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
Hôm trước chuyển sang					0
Suất ăn và tiêu chuẩn trong ngày			20,000	280	5,600,000
Được chi trong ngày					5,600,000
Đã chi trong ngày					5,600,000
1. Dịch vụ					420,000
1	chất đốt		1,500	280	420,000
2. Kho					1,019,760
Ăn chính					1,019,760
1	Gạo tẻ	Kg	15,500	23.8	368,900
2	Dầu lạc	Kg	120,000	0.7	84,000
3	Nước mắm cá loại I	Chai	74,000	0.4	29,600
4	Lạc hạt	Kg	80,000	5	400,000
5	Bột canh	Gói	4,000	4	16,000
6	Hạt nêm Aji-ngon	Kg	62,000	0.53	32,860
7	Dầu simply	Lít	68,000	1.3	88,400
3. Đi chợ					4,160,240
Ăn chính					4,160,240
1	Khoai lang	Kg	30,000	2	60,000
2	Khoai tây	Kg	15,000	2	30,000
3	Bí ngô (bí đỏ)	Kg	15,000	4	60,000
4	Cà chua	Kg	15,000	2	30,000
5	Bắp cải	Kg	15,000	12.4	186,000
6	Hành củ tươi	Kg	35,000	0.2	7,000
7	Thịt gà ta	Kg	130,000	20.4	2,652,000
8	Gừng tươi	Kg	50,000	0.2	10,000
9	Hành Tăm	Kg	40,000	0.2	8,000
10	Lá chanh	Bó	1,000	1.24	1,240
11	Hành lá	Kg	35,000	1	35,000
12	Thịt lợn nạc	Kg	130,000	3.7	481,000
13	Sữa ông thọ hộp	Hộp	30,000	20	600,000
Chênh lệch cuối ngày					0

Kế toán

Vũ Thị Na

Phó hiệu trưởng

Ngô Thị Phương Thảo

